

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 6 - 2025

Về việc: Tranh chấp về việc xác
định cha cho con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Thanh Tâm

2. Bà Hoàng Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái
Bình tham gia phiên tòa:** Ông Lê Minh Đạo - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái
Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
161/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp xác định cha
cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày
12 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1992;

Nơi ĐKKHTT: thôn 1, xã L, huyện B, tỉnh Q.

Nơi làm việc: Ấp C, xã B1, huyện X, tỉnh Đ. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét
xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị Tố L1**, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: thôn T, xã Đ1, thành phố T1, tỉnh T1. (Vắng mặt, có đơn đề
nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và lời khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày và có yêu cầu như sau:*

Trong thời gian chị Trần Thị Tố L1 và anh Phạm Văn H sống ly thân thì anh D và chị L1 có quen biết và phát sinh quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 10/2018. Đến ngày 01/10/2019 chị L1 sinh con là cháu Nguyễn Trần Tuệ N tại Bệnh viện đa khoa khu vực L2, tỉnh Đ. Đến năm 2022 chị L1 và anh H giải quyết ly hôn nhưng không khai báo với Tòa án về việc chị L1 sinh cháu Nguyễn Trần Tuệ N nên Tòa án không giải quyết trong Quyết định ly hôn giữa chị L1 và anh H. Hiện nay cháu Nguyễn Trần Tuệ N vẫn chưa được làm giấy khai sinh. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu Nguyễn Trần Tuệ N về việc làm giấy khai sinh cũng như mọi quyền lợi khác, anh D đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh T1 xác định anh Nguyễn Văn D là cha đẻ của cháu Nguyễn Trần Tuệ N.

** Tại bản tự khai, bị đơn chị Trần Thị Tố L1 trình bày:*

Năm 2004 chị kết hôn với anh Phạm Văn H, sinh năm 1981, trú tại: xóm 7, thôn T2, xã Đ1, thành phố T1, tỉnh T1, do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên từ năm 2015 chị và anh H đã sống ly thân. Trong thời gian chị và anh H sống ly thân, chị có quen biết và nảy sinh tình cảm với anh Nguyễn Văn D dẫn đến mang thai. Ngày 01/10/2019 chị đã sinh con chung với anh D tại Bệnh viện đa khoa khu vực L2, tỉnh Đ và đặt tên là Nguyễn Trần Tuệ N. Chị và anh H đã giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 127/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh T1. Khi giải quyết ly hôn, chị không khai báo với Tòa án về việc sinh cháu Nguyễn Trần Tuệ N nên Tòa án không giải quyết trong Quyết định ly hôn giữa chị và anh H. Hiện nay chị vẫn chưa làm được giấy khai sinh cho cháu Nguyễn Trần Tuệ N. Chị L1 đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của anh Nguyễn Văn D theo quy định của pháp luật.

** Tại Bản kết luận giám định ADN số 2506/DNA.19 ngày 07 tháng 6 năm 2025 của Công ty G kết luận:*

Nguyễn Văn D có quan hệ huyết thống cha - con với Nguyễn Trần Tuệ N với xác suất 99,9999%.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và thụ lý vụ án; thực hiện đầy đủ các thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Về thành phần tham gia xét xử và việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, có bản tự khai, giao nộp các tài liệu, chứng cứ tham gia đầy đủ theo triệu tập của Tòa án phục vụ cho việc giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 88, 89, 101, 102 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định anh Nguyễn Văn D là cha đẻ của cháu Nguyễn Trần Tuệ N.

+ Về chi phí giám định: Anh D tự nguyện chịu chi phí giám định gen nên cần chấp nhận.

+ Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh D thuộc trường hợp miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xác định cha cho con, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình là đúng quy định tại khoản 4 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến phiên tòa để tham gia tố tụng, nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về yêu cầu xác định cha cho con của anh Nguyễn Văn D: Trong thời gian chị Trần Thị Tố L1 và anh Phạm Văn H sống ly thân, chị L1 có quan hệ tình cảm với anh Nguyễn Văn D và đã có thai con chung với anh D. Ngày 01/10/2019 chị L1 đã sinh một con, giới tính nữ tại Bệnh viện đa khoa khu vực L2, tỉnh Đ và đã được cấp Giấy chứng sinh số 44/2022 ngày 22/3/2022, chị L1 đã đặt tên con là Nguyễn Trần Tuệ N. Sau khi Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án xác định cha cho con, anh D đã làm đơn yêu cầu và ngày 05/6/2025 Tòa án nhân dân thành phố T1 đã ra Quyết định trưng cầu giám định ADN làm căn cứ

giải quyết vụ án xác định anh D là cha đẻ của cháu Như cũng như đảm bảo quyền lợi của cháu Như. Tại kết luận giám định ADN số 2506/DNA.19 ngày 07/6/2025 của Công ty G kết luận: Nguyễn Văn D có quan hệ huyết thống cha - con với Nguyễn Trần Tuệ N với xác suất 99,9999%. Hội đồng xét xử xét thấy đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xác định anh Nguyễn Văn D là cha đẻ của cháu Nguyễn Trần Tuệ N là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 88, 89, 91, 101 và 102 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Để đảm bảo về quyền và lợi ích của cháu Nguyễn Trần Tuệ N nên anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị Tố L1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền đăng ký khai sinh cho cháu Nguyễn Trần Tuệ N.

[3] Về chi phí giám định: Anh Nguyễn Văn D đã tự nguyện chịu chi phí giám định ADN nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh D được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 88; Điều 89; Điều 91; Điều 101 và Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D.

Xác định anh Nguyễn Văn D là cha đẻ của cháu Nguyễn Trần Tuệ N, sinh ngày 01/10/2019 (Theo Giấy chứng sinh số 44/2022 của Bệnh viện đa khoa khu vực L2, tỉnh Đ).

Anh Nguyễn Văn D và chị Trần Thị Tố L1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền đăng ký khai sinh cho cháu Nguyễn Trần Tuệ N.

2. Về chi phí giám định: Anh Nguyễn Văn D tự nguyện chịu chi phí giám định ADN (anh D đã nộp đủ).

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn D và bị đơn chị Trần Thị Tố L1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Đ1, thành phố T1, tỉnh T1;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Khánh Linh